

Vĩ mô đầu tuần: Tập trung vào chỉ số PMI Việt Nam và thị trường lao động Mỹ

Phạm Vũ Thăng Long
Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tuần này, thị trường sẽ chú ý tới thị trường lao động Mỹ và chỉ số PMI toàn cầu. Thị trường kỳ vọng số lượng việc làm phi nông nghiệp tăng 163 việc làm trong tháng 9/2023, mức thấp nhất trong 3 tháng, đóng góp thêm vào tín hiệu cho thấy thị trường lao động đang suy yếu. Tỷ lệ thất nghiệp nhiều khả năng sẽ hạ nhiệt xuống 3,7% và tăng trưởng tiền lương được dự báo sẽ duy trì ở mức tăng 4,3%.
- Tại Trung Quốc, chỉ số PMI công bố vào chủ nhật sẽ cập nhật tác động từ những chính sách hỗ trợ của chính phủ. Hoạt động sản xuất và dịch vụ đều tích cực nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại trong bối cảnh rủi ro vay nợ từ các doanh nghiệp phát triển BĐS gia tăng.
- Chỉ số PMI Việt Nam nhiều khả năng sẽ cho thấy hoạt động sản xuất mở rộng trong tháng 9/2023, tháng tăng thứ 2 liên tiếp trong bối cảnh ngành công nghiệp chế biến & chế tạo trong nước tiếp tục cải thiện.

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần

Những thông tin chính trong tuần này bao gồm: chỉ số sản xuất chính thức toàn cầu và số liệu thị trường lao động Mỹ.

Tại Mỹ, chúng tôi kỳ vọng thị trường lao động sẽ cho thấy những tín hiệu hạ nhiệt với số lượng việc làm phi nông nghiệp có thể sẽ giảm xuống 163.000 việc làm, so với 187.000 việc làm trong tháng trước, trong khi tỷ lệ thất nghiệp có thể sẽ giảm nhẹ xuống 3,7%.

Tại Việt Nam, S&P Global sẽ công bố chỉ số PMI tháng 9/2023 vào thứ hai. Chúng tôi dự báo chỉ số PMI sẽ tiếp tục tăng lên 51,5, từ 50,5 trong tháng 8/2023, cho thấy hoạt động sản xuất tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp. Tuần trước, Tổng cục Thống kê cũng công bố chỉ số công nghiệp chế biến & chế tạo tăng nhanh 5,9% so với cùng kỳ, so với tăng 3,5% so với cùng kỳ trong tháng trước, nhờ mức tăng 1,4% so với tháng trước.

Trong khi đó, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) giảm xuống 24.275 (giảm 0,288%), kết thúc 10 tuần tăng liên tiếp trên thị trường ngoại hối. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 3,3% (so với giảm 2,8% trong tuần trước đó), đóng cửa tại 1.154,15, tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/10.

Bảng 1: Số liệu kinh tế vĩ mô chính trong tuần

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, Trung Quốc, EU và Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
29-9-23	VN: GDP (Q3/23, y/y%)	4.14	5.30	5.0
	VN: KNXX (9-23, y/y%)	-6.5	4.6	5.8
	VN: KNNK (9-23, y/y%)	-5.8	2.6	9.5
	VN: cán cân TM (9-23, USD)	3.4bn	2.3bn	0.7bn
	VN: CPI (9-23, y/y%)	2.96	3.66	3.28
	VN: doanh số bán lẻ (9-23, y/y%)	7.4	7.5	7.9
1-10-23	VN: giá trị SX CN (9-23, y/y%)	2.6	5.1	3.6
	EU: tỷ lệ lạm phát (9-23, y/y %, sơ bộ)	5.2	4.3	4.5
	EU: lạm phát cơ bản (9-23, y/y %, sơ bộ)	5.3	4.5	4.8
	Mỹ: niềm tin tiêu dùng (9-23, chính thức)	69.5	68.1	67.7
	TQ: PMI sản xuất (9-23)	51.0	50.6	51.2
	CN PMI dịch vụ (9-23)	51.8	50.2	
2-10-23	VN: PMI sản xuất (9-23)	50.5		51.5
	EU: PMI sản xuất (9-23, chính thức)	43.5		43.4
	Mỹ: PMI sản xuất (9-23, chính thức)	47.9		48.9
4-10-23	EU: PMI dịch vụ (9-23, chính thức)	47.9		48.4
	Mỹ: PMI dịch vụ (9-23, chính thức)	50.5		50.2
6-10-23	Mỹ: Số việc làm phi NN (9-23)	187,000		163,000
	Mỹ: tỷ lệ thất nghiệp (9-23, %)	3.8		3.7
	Mỹ: thu nhập bình quân theo giờ (9-23, y/y%)	4.3		4.3

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Thế giới

Tuần này, Mỹ sẽ công bố số liệu về thị trường lao động tháng 9/2023. Thị trường tin rằng số liệu trên thị trường lao động sẽ cho thấy những dấu hiệu hạ nhiệt với số lượng việc làm phi nông nghiệp giảm xuống 163.000 việc làm, so với 187.000 việc làm trong tháng trước, trong khi tỷ lệ thất nghiệp nhiều khả năng sẽ giảm nhẹ xuống 3,7%. Bên cạnh lạm phát, số liệu thị trường lao động có thể sẽ tác động lớn nhất đến các quyết định lãi suất của Fed. Lưu ý, HSC cũng cập nhật chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ toàn cầu, đồng thời cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh tế toàn cầu. Chỉ số PMI Trung Quốc, được công bố vào chủ nhật, cho thấy cả hoạt động dịch vụ và sản xuất đều mạnh mẽ, nhưng tốc độ tăng trưởng đã chậm lại trong bối cảnh rủi ro nợ vay của các doanh nghiệp phát triển BĐS gia tăng. Chỉ số sơ bộ tại khu vực Eurozone và Mỹ cho thấy hoạt động sản xuất vẫn yếu.

Mỹ

Thị trường lao động tháng 5/2023

Thị trường dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ có thêm 163.000 việc làm phi nông nghiệp trong tháng 9/2023. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp nhiều khả năng sẽ giảm xuống 3,7%, và tăng trưởng tiền lương được dự báo sẽ duy trì ở mức tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Trong tháng trước, tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 3,8%, từ 3,5% trong tháng 7/2023, mức cao nhất kể từ tháng 2/2022.

Trung Quốc

Chỉ số PMI tháng 9/2023

Chỉ số PMI sản xuất Trung Quốc giảm xuống 50,6 trong tháng 9/2023, từ mức cao nhất trong 6 tháng là 51,0 trong tháng 8/2023 và thấp hơn so với dự báo của thị trường là 51,2, lần tăng thứ 6 kể từ đầu năm trong bối cảnh Trung Quốc thực hiện nhiều nỗ lực nhằm vực dậy đà hồi phục đang suy yếu sau đại dịch. Sản lượng tăng mạnh nhất trong 4 tháng trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng nhẹ, trong khi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu giảm nhẹ. Về mặt giá cả, lạm phát chi phí đầu vào tăng nhanh nhất kể từ tháng 1/2023 do giá nguyên liệu thô tăng. Từ đó, giá đầu ra tăng lần đầu sau 7 tháng và tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2022. Ngoài ra, tâm lý thị trường giảm xuống mức thấp nhất trong 12 tháng.

Trong khi đó, chỉ số PMI dịch vụ giảm xuống 50,2 trong tháng 9/2023 từ mức 51,8 trong tháng 8/2023, mức tăng nhẹ nhất kể từ đầu năm, do hoạt động kinh doanh và số lượng đơn đặt hàng mới đều tăng nhẹ nhất kể từ đầu năm, mặc dù số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng trở lại, trong bối cảnh áp lực suy giảm của nền kinh tế ngày càng lớn. Niềm tin kinh doanh đối với các hoạt động thương mại trong nước cũng giảm xuống mức thấp nhất 10 tháng.

Việt Nam

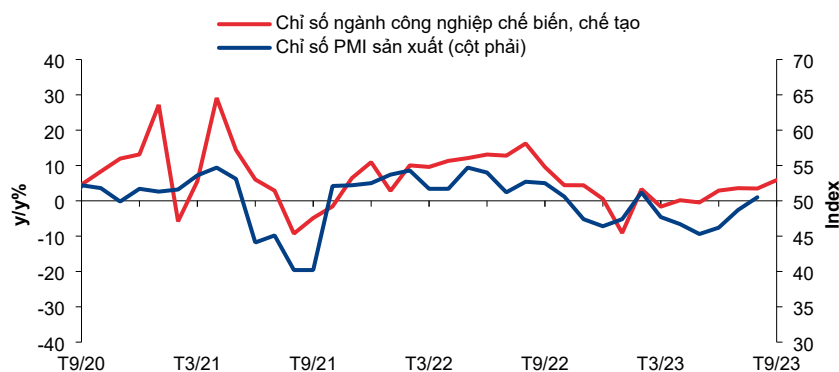
S&P Global sẽ công bố chỉ số PMI tháng 9/2023 vào thứ hai. Chúng tôi dự báo chỉ số PMI sẽ tiếp tục tăng lên 51,5, từ 50,5 trong tháng 8/2023, cho thấy hoạt động sản xuất tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp. Tuần trước, Tổng cục Thống kê cũng công bố chỉ số công nghiệp chế biến & chế tạo tăng nhanh 5,9% so với cùng kỳ, so với tăng 3,5% so với cùng kỳ trong tháng trước, nhờ mức tăng 1,4% so với tháng trước. Trong khi đó, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) giảm xuống 24.275 (giảm 0,288%), kết thúc 10 tuần tăng liên tiếp trên thị trường ngoại hối. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 3,3% (so với giảm 2,8% trong tuần trước đó), đóng cửa tại 1.154,15, tuần giảm điểm thứ 3 liên tiếp.

Chỉ số PMI sản xuất tháng 9/2023

Chúng tôi dự báo chỉ số PMI sẽ tiếp tục tăng lên 51,5, từ 50,5 trong tháng 8/2023, cho thấy hoạt động sản xuất tăng trong tháng thứ 2 liên tiếp. Tuần trước, Tổng cục Thống kê cũng công bố chỉ số công nghiệp chế biến & chế tạo tăng nhanh 5,9% so với cùng kỳ, so với tăng 3,5% so với cùng kỳ trong tháng trước, nhờ mức tăng 1,4% so với tháng trước (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 2: Chỉ số PMI sản xuất và chỉ số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Chúng tôi dự báo chỉ số PMI tháng 9 sẽ tiếp tục tăng lên 51,5, từ 50,5 trong tháng 8/2023

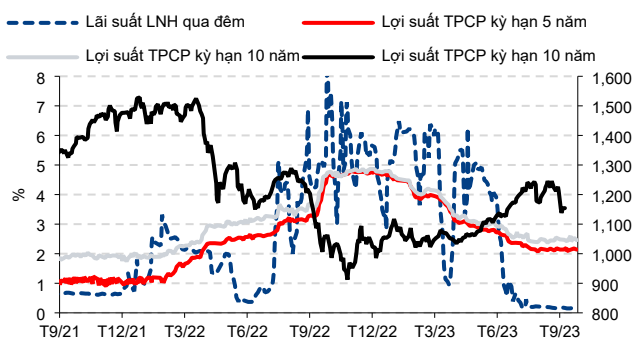


Nguồn: HSC

Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

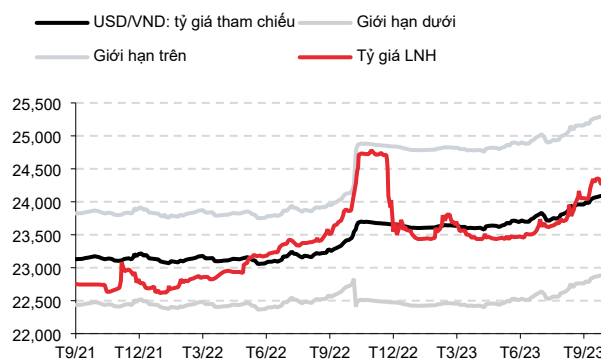
HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 3 & 4.

Biểu đồ 3: Lãi suất và diễn biến TT chứng khoán hàng tuần
VN Index giảm 3,3% (tuần trước: Giảm 2,8%), đóng cửa ở mức 1.154,15



Nguồn: HSX, SBV, CEIC & HSC

Biểu đồ 4: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần
Tỷ giá USD/ VND* giảm (giảm 0,288%) xuống 24.275



Chỉ chú: * niêm yết bởi VCB.
Nguồn: SBV, CEIC & HSC

Dự báo kinh tế vĩ mô của HSC

	2017	2018	2019	2020	2021	2022E	2023F	2024F	2025F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND:USD) (cuối năm)	22,700	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,100	23,800	23,750
Tỷ giá (VND:CNY)	3,268	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,394	3,400	3,493
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	6.94	7.47	7.36	2.87	2.58	8.02	5.03	6.50	7.00
GDP (tỷ USD)	277	304	332	346	369	404	442	505	530
GDP bình quân đầu người (USD)	2,958	3,202	3,398	3,558	3,745	4,061	4,404	4,988	5,212
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	-0.60	1.89	3.67	4.35	-2.21	-0.27	1.13	1.39	1.92
Nợ công/GDP (%)	48.8	46.2	42.8	43.8	44.7	43.1	44.5	43.0	40.0
Nợ Chính phủ/GDP (%)	41.1	39.5	37.4	38.5	39.6	38.6	40.0	39.8	39.0
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.18	2.21	2.09	2.71	3.76	3.60	4.28	3.50	3.30
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	103.5	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	127.1	128.3	129.6
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.24	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.70	2.50	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (so với cùng kỳ %)	3.5	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.1	2.8
CPI, cuối năm (so với cùng kỳ %)	2.6	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.3	2.5	3.0
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.50	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.7	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	2.5	2.5	2.5
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	18.3	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.0	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	8,195	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,507	17,368	19,452
Cung tiền M2 (so với cùng kỳ %)	15.0	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	9.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	49	55	79	95	107	85	89	102	118
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.5	6.8	6.8	5.5	5.5	7.5	5.5	5.5	5.5
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.5	4.5
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.2	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	2.8	3.2	2.8
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	5.1	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.9	3.5	3.3
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	2.7	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	14.9	16.2	15.1
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	-1.7	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	5.0	7.0	10.2
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	211	238	253	263	333	360	341	372	416
Kim ngạch nhập khẩu (so với cùng kỳ %)	21.8	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-5.2	9.0	12.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	214	245	264	283	336	372	356	388	431
Kim ngạch xuất khẩu (so với cùng kỳ %)	21.5	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.3	9.0	11.2
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	108	110	123	129	140	151	163	178	194
Nợ nước ngoài/GDP (%)	38.9	36.1	36.9	37.3	37.8	37.3	36.9	35.3	36.6
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	17.5	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	24.0	25.9	27.9
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.9	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	29.7	32.3	35.2
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	52.5	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	51.0	50.9	52.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (so với cùng kỳ%) (cuối năm)	11.2	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	8.0	8.1	8.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (so với cùng kỳ%) (cuối năm)	17.8	13.7	1.9	-4.1	13.6	5.9	9.0	10.9	10.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	14.5	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.5	8.7	8.0
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.6	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.5	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn